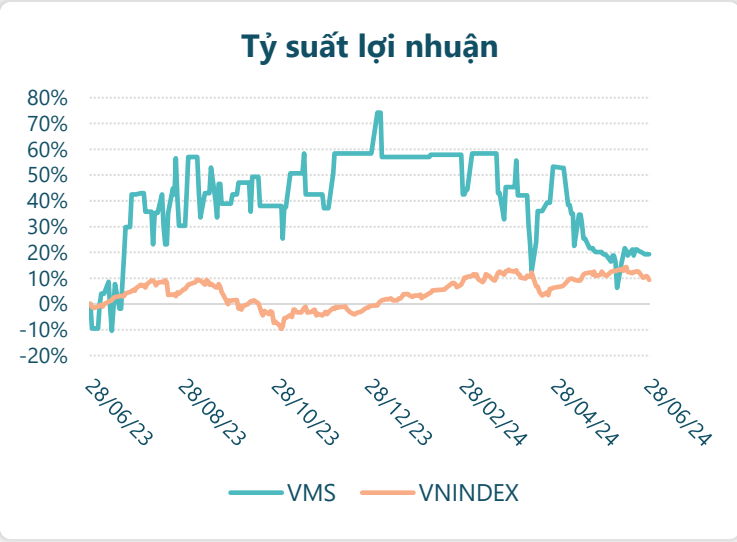


Ngày	24,500 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.4%	-18.0%	-24.7%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	18,411 - 35,799
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	220
Số lượng CPLH (CP)	8,999,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,090
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.82)
EPS	1,800
P/E	13.6



Doanh thu thuần
Q2/24

56.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.50 | 17.7%

YoY: ▲ 19.5 | 52.6%

Nợ/VCSH
Q2/24

67.8%

YoY: +/- ▲ 10.4%

LN gộp
Q2/24

7.06

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.03 | 17.1%

YoY: ▲ 0.36 | 5.4%

ROE (TTM)
Q2/24

11.3%

YoY: +/- ▼ 0.4%

LN trước thuế
Q2/24

4.73

tỷ VNĐ

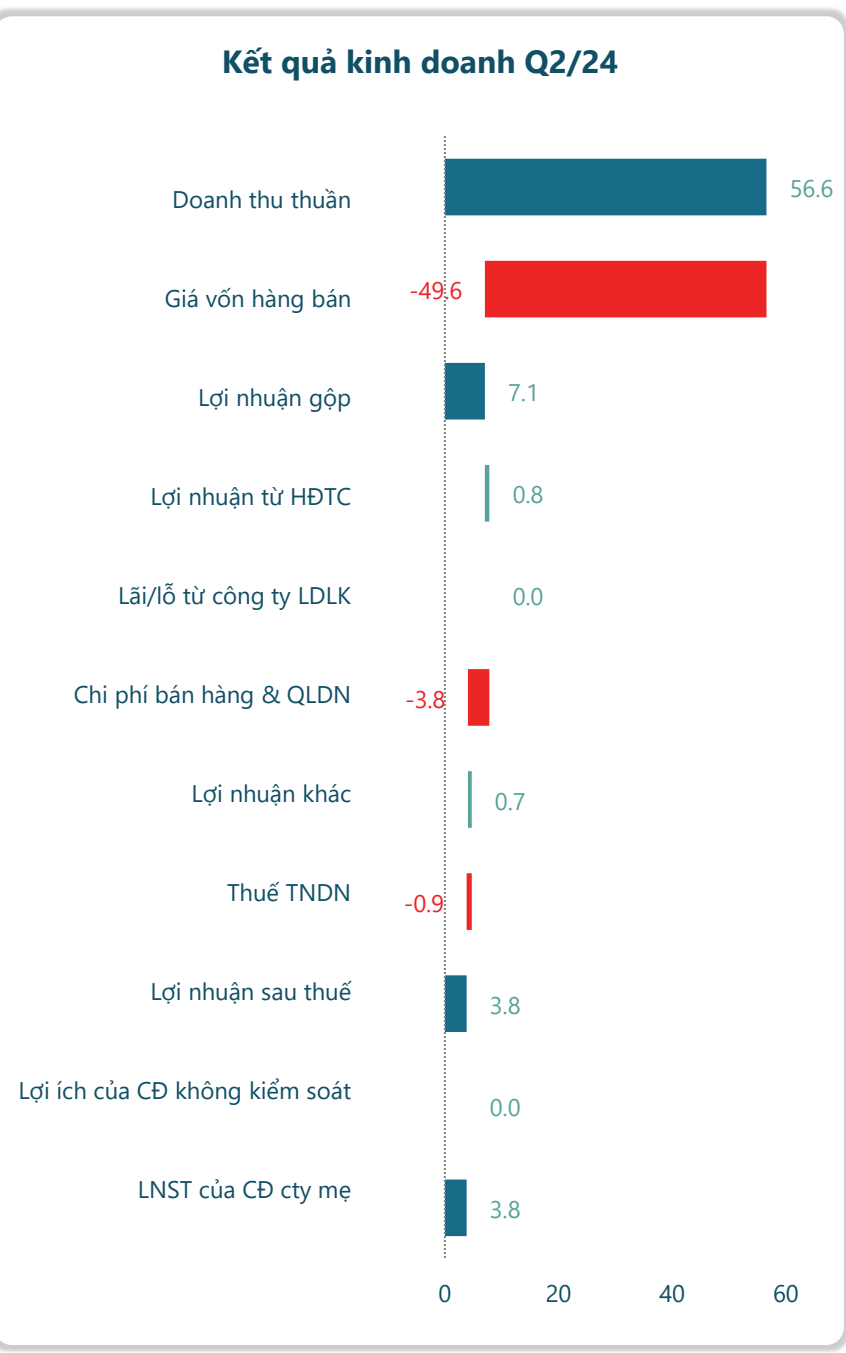
QoQ: ▲ 0.14 | 3.1%

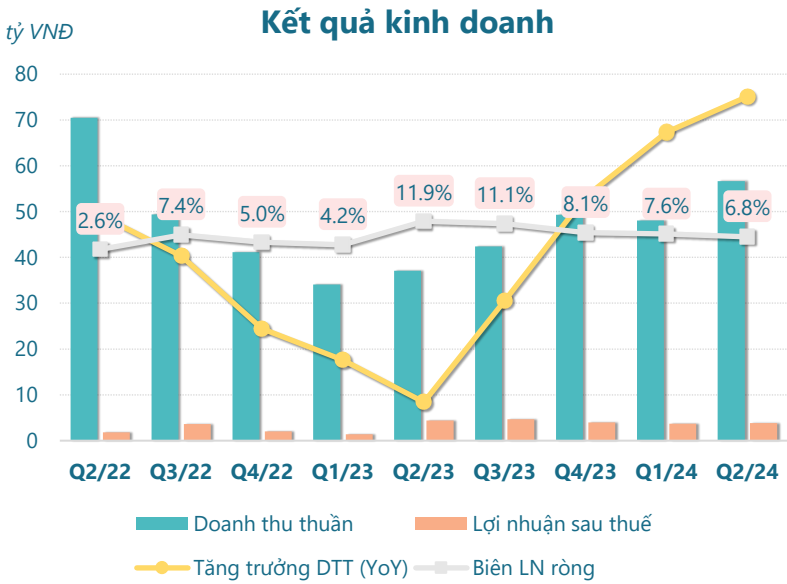
YoY: ▼ 0.77 | -14.0%

ROA (TTM)
Q2/24

6.7%

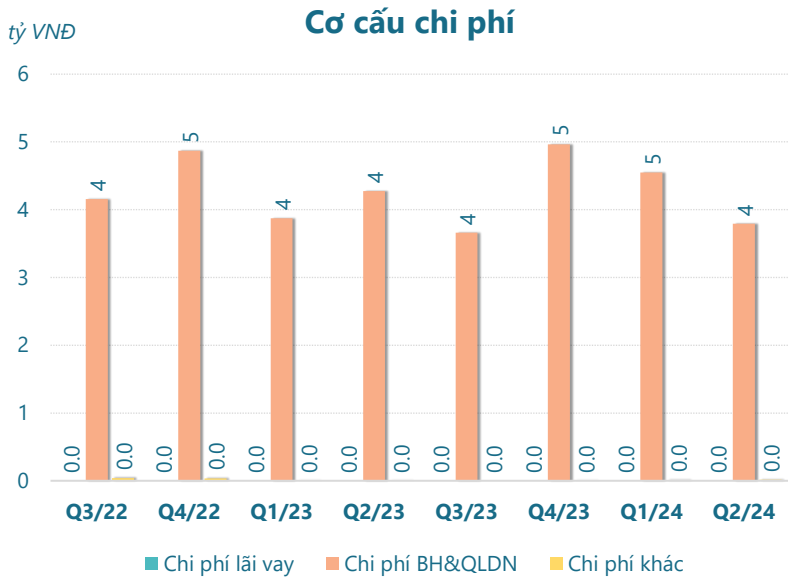
YoY: +/- ▼ 2.1%





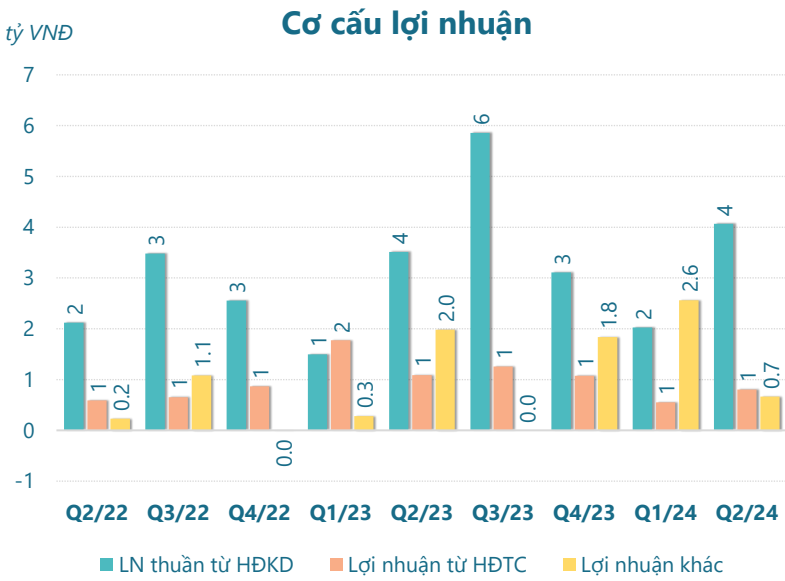
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 4.07 tỷ đồng**, tăng thêm 100% so với kỳ trước và cao hơn 16.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.80 tỷ đồng**, tăng thêm 45.5% so với kỳ trước và thấp hơn 26.6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.66 tỷ đồng**, giảm đi 74.2% so với kỳ trước và thấp hơn 66.7% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VMS** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **56.62 tỷ đồng** tăng thêm **52.7%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 3.84 tỷ đồng**, **giảm sút 12.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **105.0 tỷ đồng** cao hơn 47.9% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 8.00 tỷ đồng** cao hơn 33.3% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **3.79 tỷ đồng** giảm đi 16.7% so với kỳ trước và thấp hơn 11.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.01 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	56.6	48.1	17.7%	37.1	52.6%	105	71.2	47.1%
Giá vốn hàng bán	49.6	42.0	18.0%	30.4	63.0%	91.6	60.9	50.5%
Lợi nhuận gộp	7.06	6.03	17.1%	6.70	5.4%	13.1	10.3	27.1%
Doanh thu HĐTC	0.75	0.63	18.4%	1.10	-32.2%	1.38	2.16	-36.1%
Chi phí TC	-0.05	0.08	-168%	0.01	-648%	0.03	-0.70	104%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.02	0.56	-97.0%	0.42	-96.0%	0.58	0.69	-15.4%
Chi phí QLDN	3.77	3.98	-5.2%	3.86	-2.2%	7.76	7.46	4.0%
LN thuần từ HĐKD	4.07	2.03	100%	3.51	15.9%	6.10	5.01	21.7%
Lợi nhuận khác	0.66	2.56	-74.1%	1.98	-66.5%	3.22	2.26	42.6%
LN trước thuế	4.73	4.59	3.1%	5.50	-14.0%	9.32	7.27	28.2%
Lợi nhuận sau thuế	3.84	3.67	4.5%	4.40	-12.8%	7.51	5.82	29.1%
LNST của CĐ cty mẹ	3.84	3.67	4.5%	4.40	-12.8%	7.51	5.82	29.1%

